

CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 CỦA HUYỆN KIẾN THỤY

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
I	Đất quốc phòng, an ninh	81,87	0,08	81,79			
	Đất quốc phòng	79,67		79,67			
1	Xây dựng Trại địa pháo 85, PPK37	1,00		1,00	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
2	Xây dựng nhà máy X70 (nhà máy đóng tàu)	11,40		11,40	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
3	Xây dựng vị trí chỉ huy, công trình chiến đấu, trụ sở hoạt động cho lực lượng dân quân tự vệ	5,00		5,00	Xã Thụy Hương	2021-2025	LUC
4	Xây dựng vị trí chỉ huy công trình chiến đấu, trụ sở hoạt động cho lực lượng dân quân tự vệ và công trình chiến đấu C2/d101DBĐV	2,00		2,00	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
5	D73/ Trung đoàn 285/ Sư đoàn 363	16,13		16,13	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
6	C1/ Trung đoàn 240B/ Sư đoàn 363	10,00		10,00	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
7	C3/ Trung đoàn 240B/ Sư đoàn 363	10,00		10,00	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
8	C4/ Trung đoàn 240B/ Sư đoàn 363	10,00		10,00	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
9	T22/ Trung đoàn 295/ Sư đoàn 363	6,00		6,00	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
10	Xây dựng Trại địa hỏa lực pháo 57	2,00		2,00	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC
11	Hoàn trả đất cho Tiểu đoàn 71/Trung đoàn 285/Sư đoàn 363/Quân chủng Phòng không - Không quân	1,10		1,10	Xã Đông Phương	2021-2025	LUK
12	Xây dựng khu vực phòng thủ căn cứ hậu phương Hậu cần - kỹ thuật	2,00		2,00	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
13	Xây dựng trận địa pháo phòng không	1,67		1,67	Xã Thụy Hương	2021-2025	LUC
14	Công trình chiến đấu c3/D101dbđv	1,37		1,37	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
	Đất an ninh	2,20	0,08	2,12			LUC+LUK
1	Xây dựng trụ sở công an xã Đại Đồng	0,10		0,10	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC
2	Xây dựng trụ sở công an xã Đoàn Xá	0,10		0,10	Xã Đoàn Xá	2021-2025	TSC
3	Xây dựng trụ sở công an xã Đông Phương	0,10		0,10	Xã Đông Phương	2021-2025	LUC
4	Xây dựng trụ sở công an xã Du Lễ	0,10		0,10	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
5	Xây dựng trụ sở công an xã Kiến Quốc	0,20		0,20	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC
6	Xây dựng trụ sở công an xã Ngũ Đoan	0,10		0,10	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
7	Xây dựng trụ sở công an xã Tân Trào	0,10		0,10	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
8	Xây dựng trụ sở công an xã Thanh Sơn	0,10		0,10	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9	Xây dựng trụ sở công an xã Thuận Thiên	0,08		0,08	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
10	Xây dựng trụ sở công an xã Thụy Hương	0,10		0,10	Xã Thụy Hương	2021-2025	LUC
11	Xây dựng trụ sở công an xã Ngũ Phúc	0,10		0,10	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
12	Xây dựng trụ sở công an xã Tân Phong	0,15		0,15	Xã Tân Phong	2021-2025	LUC
13	Xây dựng trụ sở công an xã Tú Sơn	0,10		0,10	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
14	Xây dựng trụ sở công an xã Minh Tân	0,10		0,10	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
15	Xây dựng mở rộng chốt an ninh xã Minh Tân	0,04	0,02	0,02	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
16	Xây dựng trụ sở công an xã Đại Hà	0,10		0,10	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
17	Xây dựng trụ sở công an xã Hữu Bằng	0,13		0,13	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
18	Xây dựng trụ sở công an xã Đại Hợp	0,18		0,18	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUK
19	Xây dựng chốt an ninh tại xã Tân Trào	0,10		0,10	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
20	Xây dựng chốt an ninh thôn Quân Mục I	0,02		0,02	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC
21	Xây dựng mở rộng chốt an ninh xã Đông Phương	0,02	0,01	0,01	Xã Đông Phương	2021-2025	LUC
22	Xây dựng mở rộng chốt an ninh xã Du Lễ	0,02	0,01	0,01	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
23	Xây dựng mở rộng chốt an ninh xã Tân Phong	0,06	0,04	0,02	Xã Tân Phong	2021-2025	LUC
II	Đất khu công nghiệp.	964,00		964,00			
1	Khu công nghiệp Kiến Thụy	482,00		482,00	Ngũ Phúc; Kiến Quốc; Tân Trào; Ngũ Đoan; Đại Hà	2021-2025	LUC;LUK;CLN;NTS;DGT;DTL
		482,00		482,00		2026-2030	
III	Đất cụm công nghiệp.	225,00		225,00			
1	Cụm Công nghiệp Tân Trào	75,00		75,00	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC;LUK;CLN;NTS;DGT;DTL
2	Cụm Công nghiệp Đông Phương 1	75,00		75,00	Xã Đông Phương	2021-2025	
3	Cụm Công nghiệp Đông Phương 2	75,00		75,00	Đông Phương; Đại Đồng	2021-2025	
IV	Đất thương mại dịch vụ	576,37		576,37			
1	Xây dựng trung tâm Logistic Kiến Thụy tại xã Đoàn Xá và Đại Hợp	193,00		193,00	Đoàn Xá; Đại Hợp	2021-2025	LUC+NTS+DGT+DTL

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
2	Xây dựng khu thương mại dịch vụ hai bên đường cao tốc tại xã Đại Đồng và xã Minh Tân	75,00		75,00	Đại Đồng; Minh Tân	2026-2030	LUC
3	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại tổ dân phố Hồ Sen, thị trấn Núi Đồi	5,00		5,00	TT.Núi Đồi	2021-2025	LUC
4	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại xã Tú Sơn	9,00		9,00	Xã Tú Sơn	2026-2030	LUC+NTS
5	Xây dựng tổ hợp làng nghề tại xã Tú Sơn	2,10		2,10	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC+NTS
6	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại Thôn 7, xã Tú	3,69		3,69	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
7	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại trường THCS Tú Sơn cũ	0,40		0,40	Xã Tú Sơn	2021-2025	DGD
8	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại thôn Ngọc Tinh, xã Tân Trào(Khu gốc si, chùa Kim Sơn)	0,65		0,65	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
9	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại thôn Kỳ Sơn, xã Tân Trào(Khu gần nhà văn hoá thôn Kỳ Sơn	2,39		2,39	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
10	Xây dựng điểm thương mại dịch vụ (hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Tân Trào)	0,04		0,04	Xã Tân Trào	2021-2025	TSC
11	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại thôn Kim Sơn, xã Tân Trào	1,60		1,60	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
12	Xây dựng điểm thương mại dịch vụ - hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Tân Trào	0,07		0,07	Xã Tân Trào	2021-2025	TSC
13	Xây dựng khu khu thương mại, dịch vụ tại vị trí trường tiểu học xã Đoàn Xá cũ	0,64		0,64	Xã Đoàn Xá	2021-2025	NTS
14	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại xã Du Lễ	4,11		4,11	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
15	Xây dựng điểm cung cấp dịch vụ điện tại xã Thanh	0,02		0,02	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
16	Xây dựng khu thương mại dịch vụ và du lịch tại thôn Cẩm Hoàn, xã Thanh Sơn	56,50		56,50	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC+NTS
17	Xây dựng khu thương mại dịch vụ giáp dải tường niệm (khu Phủ Cao)	1,02		1,02	Xã Thụy Hương	2021-2025	LUC
18	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại thôn Quế Lâm, xã Thụy Hương (ngã 4 đường 363 và 362)	0,48		0,48	Xã Thụy Hương	2021-2025	LUC
19	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại thôn Trà Phương (khu cơ khí cũ)	0,42		0,42	Xã Thụy Hương	2021-2025	PNK
20	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại khu đồng Đàm rồi, khu Cống	2,75		2,75	Xã Thụy Hương	2021-2025	LUC
21	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại xã Tân Phong	1,50		1,50	Xã Tân Phong	2021-2025	LUC
22	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại xứ đồng Hòn Đồi 6A và 6B thôn Xuân Úc, xã Thuận Thiên	4,80		4,80	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
23	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại xứ đầm Cửa Đồi 7,8 và 9 thôn Xuân Úc, xã Thuận Thiên	2,65		2,65	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
24	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại Nhà máy nước cũ thôn Úc Gián, xã Thuận Thiên	0,04		0,04	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
25	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại Xứ đồng Thạch Bàn đội 1 thôn Úc Gián, xã Thuận Thiên	0,23		0,23	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
26	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại Đội 3 thôn Hòa Liễu, xã Thuận Thiên (Đổi diện nhà văn hóa thôn)	0,09		0,09	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
27	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại thôn Tân Linh, xã Minh Tân	14,00		14,00	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
28	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại thôn Tân Linh, xã Minh Tân	3,50		3,50	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
29	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại khu Đồng Bàng, đồng Chàm, đồng Cánh, xã Minh Tân	50,00		50,00	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
30	Xây dựng điểm dịch vụ thương mại tại xã Tú Sơn (cửa hàng xăng dầu)	0,30		0,30	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
31	Xây dựng khu thương mại dịch vụ thôn Mai Dương, xã Ngũ Phúc	3,00		3,00	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
32	Xây dựng khu dịch vụ du lịch sinh thái xã Hữu Bằng	30,00		30,00	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
33	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại khu đổi diện nhà máy nước, khu đồng Má Cá thôn Tam Kiệt xã Hữu Bằng	1,12		1,12	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
34	Xây dựng khu thương mại dịch vụ tại thôn Kim Đới 3, xã Hữu Bằng (cửa hàng xăng dầu)	0,80		0,80	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
35	Xây dựng khu thương mại dịch vụ Đôn Nam	20,00		20,00	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
36	Xây dựng khu thương mại dịch vụ khu Đồng Láng Láng, xã Đoàn Xá	30,00		30,00	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
37	Xây dựng điểm dịch vụ thương mại tại thôn Kim Đới 1 xã Hữu Bằng (cửa hàng xăng dầu)	0,40		0,40	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
38	Xây dựng khu thương mại dịch vụ (giáp khu trường niệm Nhà Mạc)	3,50		3,50	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
39	Xây dựng điểm thương mại (Quỹ Tín dụng nhân dân xã Ngũ Đoan)	0,03		0,03	Xã Ngũ Đoan	2026-2030	LUC
40	Xây dựng điểm thương mại (trụ sở Hợp tác xã Nông nghiệp xã Ngũ Đoan)	0,03		0,03	Xã Ngũ Đoan	2026-2030	LUC
41	Xây dựng khu du lịch sinh thái (xã Ngũ Đoan)	21,50		21,50	Xã Ngũ Đoan	2026-2030	LUC
42	Xây dựng khu du lịch sinh thái (xã Hữu Bằng)	30,00		30,00	Xã Hữu Bằng	2026-2030	LUC
V	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	52,05	7,00	45,05			
1	Xây dựng cơ sở sản xuất giày da tại xã Du Lễ	0,34		0,34	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
2	Xây dựng cơ sở sản xuất gia công hàng may mặc, giày dép tại xã Đại Đồng	1,61		1,61	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC
3	Mở rộng cơ sở sản xuất phi nông nghiệp ven đường cao tốc (trạm bê tông cũ)	10,67	7,00	3,67	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC
4	Xây dựng khu tiểu thủ công nghiệp tại xã Ngũ Đoan	3,20		3,20	Xã Ngũ Đoan	2021-2030	LUC
5	Xây dựng khu cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Đại Hà	4,30		4,30	Xã Đại Hà	2021-2030	LUC
6	Xây dựng khu tiểu thủ công nghiệp tại thôn Đại Lộc 4, xã Đoàn Xá	3,00		3,00	Xã Đại Hợp	2021-2030	LUC
7	Xây dựng khu giết mổ tập trung tại xã Tú Sơn	0,50		0,50	Xã Tú Sơn	2021-2030	LUC
8	Mở rộng nhà máy nước xã Kiến Quốc	0,80		0,80	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC
9	Mở rộng nhà máy nước Tân Thanh tại xã Ngũ Đoan	1,50		1,50	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
10	Mở rộng nhà máy nước xã Hữu Bằng	1,00		1,00	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
11	Xây dựng nhà máy nước tại xã Đoàn Xá	20,00		20,00	Xã Đoàn Xá	2026-2030	LUC
12	Xây dựng khu cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Đoàn Xá	1,46		1,46	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
13	Xây dựng khu cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Tân Trào	1,70		1,70	Xã Tân Trào	2026-2030	LUC
14	Quy hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trên đất trường tiểu học	0,07		0,07	Xã Thuận Thiên	2021-2025	DGD
15	Khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung xã Kiến Quốc	1,90		1,90	Xã Kiến Quốc	2026-2030	LUC
VI	Đất phát triển hạ tầng	713,88	10,36	711,26			
	Đất giao thông	619,26		619,26			
	1. Đường tỉnh, bến xe	463,18	8,10	455,08			
1	Đường Vành đai 3 nối từ đường Cao tốc HN-HP đi Thái Bình (Kiến Thụy - Tiến Lãng - Diêm Điền, Thái Bình)	10,15		10,15	Minh Tân, Tân Phong, Đoàn Xá, Đại Hợp	2026-2030	LUC
2	Đường giao thông kết nối giữa các huyện với trung tâm thành phố (Trùng với Đường tỉnh 363 và mở mới đoạn xã Tân Trào)	10,70		10,70	Tân Trào; Thụy Hương; Thanh Sơn; Hữu Bằng	2026-2030	LUC
3	Đường giao thông kết nối huyện Kiến Thụy với khu vực cảng Đình Vũ	9,18		9,18	Ngũ Phúc, Du Lễ, Thụy Hương, Thanh Sơn, Đại Hà, Ngũ Đoan, Tân Phong	2026-2030	LUC
4	Đường gom cao tốc vành đai 3 nối từ đường gom cao tốc HN-HP đến cảng Nam Đồ Sơn tại xã Đại Hợp	4,29		4,29	Minh Tân, Tân Phong, Đoàn Xá, Đại	2026-2030	LUC
5	Đường sắt Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai	0,70		0,70	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC
		5,00		5,00	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
		0,70		0,70	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
		1,40		1,40	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
		0,24		0,24	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC
6	Xây dựng đường bộ ven biển	15,23		15,23	Xã Tú Sơn		LUC; NTS; ONT
		10,77		10,77	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC+NTS
		4,00		4,00	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
7	Xây dựng đường 362	4,00		4,00	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC+NTS
		5,30		5,30	Xã Thụy Hương	2021-2025	LUC
		2,60		2,60	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
		0,35		0,35	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
8	Xây dựng nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 361	1,20		1,20	Xã Đông Phương	2021-2025	LUC
		1,00		1,00	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC+BHK+CLN+NT
		6,00		6,00	TT.Núi Đồi	2021-2025	LUC+BHK+CLN+NT
		2,00		2,00	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
		2,80		2,80	Xã Tân Phong	2021-2025	LUC
		1,60		1,60	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
9	Mở rộng đường kênh Hòa Bình	17,47	8,10	9,37	Xã Đông Phương	2021-2025	LUC+BHK+CLN+NT S+ONT
10	Xây dựng hoàn chỉnh để khai thác khu neo đậu tàu cá bến Quán Chánh	4,26		4,26	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC+RPH
11	Cảng bến thủy nội địa cửa sông Văn Úc	32,00		32,00	Xã Đoàn Xá	2021-2025	NTS
12	Xây dựng Cảng Nam Đồ Sơn (tổng quy mô 3800, trong đó phần đất liền 208 ha)	302,00		302,00	Đại Hợp; Đoàn Xá	2021-2025	RPH+SON
13	Xây dựng bãi đỗ xe tỉnh	0,50		0,50	TT.Núi Đồi	2021-2025	LUC
14	Xây dựng bến xe huyện Kiến Thụy	0,70		0,70	Xã Thụy Hương	2021-2025	LUC
15	Xây dựng bãi đỗ xe Minh Tân	0,50		0,50	Xã Minh Tân	2025-2030	
16	Xây dựng bãi đỗ xe Minh Tân	0,53		0,53	Xã Thanh Sơn	2025-2030	
17	Xây dựng bãi đỗ xe Tú Sơn	3,00		3,00	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
18	Xây dựng bến xe	3,00		3,00	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
	2. Đường huyện, đường xã	98,81		98,81			LUC
19	Xây dựng đường nối tỉnh lộ 354 qua khu công nghiệp Kiến Thụy đến đường bộ ven biển tại xã Đoàn Xá (đường vành đai sông Văn Úc)	5,31		5,31	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC+NTS
		9,86		9,86	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC+NTS
		3,36		3,36	Xã Đại Hà	2021-2025	NKH
		6,00		6,00	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC+BHK+CLN+NT S+DTL+ONT
		6,41		6,41	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC+NTS
		8,00		8,00	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC+NTS
20	Xây dựng mở rộng, nâng cấp đường huyện 401	0,60		0,60	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
21	Xây dựng mở rộng, nâng cấp đường huyện 402	1,16		1,16	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC+BHK+DTL+SO N+CSD
		0,78		0,78	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC+BHK+SON+CS D
		0,30		0,30	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
22	Xây dựng mở rộng, nâng cấp đường huyện 405	0,50		0,50	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
23	Xây dựng mở rộng, nâng cấp đường huyện 406	0,50		0,50	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
		0,65		0,65	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
24	Xây dựng mở rộng, nâng cấp đường huyện 407	1,02		1,02	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC+ONT+BHK
		0,79		0,79	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
		1,20		1,20	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC+BHK+NTTS
25	Đường giao thông nối từ đường tỉnh lộ 363 đến đường gom cao tốc HN-HP (đoạn qua xã Đông Phương và Đại Đồng)	3,80		3,80	Đông Phương, Đại Đồng	2021-2025	LUC
26	Đường giao thông vành đai đoạn từ đường nối tỉnh lộ 354 với đường bộ ven biển thuộc địa bàn huyện An Lão đến tỉnh lộ 363 thuộc xã Hữu Bằng huyện kiến Thụy (đoạn qua các xã Ngũ Phúc, Du lễ , Thụy Hương, Hữu Bằng)	6,50		6,50	Ngũ Phúc, Du Lễ , Hữu Bằng	2021-2025	LUC
27	Đường sinh thái ven sông Đa Độ (đoạn từ TT Núi Đồi - đến hết xã Thuận Thiên)	18,00		18,00	TT. Núi Đồi, Hữu Bằng, Thuận Thiên	2021-2025	LUC+BHK+NTS
28	Đường giao thông kết nối từ tỉnh lộ 362 - đường gom ô tô cao tốc HN-Hải Phòng (đoạn qua địa bàn xã Minh Tân)	1,60		1,60	Xã Minh Tân	2026-2030	LUC
29	Đường giao thông kết nối đoạn từ giáp đường tỉnh lộ 361(hạt quản lý đường bộ) đến giáp đường gom ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (Xã Minh Tân)	2,60		2,60	TT Núi Đồi ,Minh Tân	2021-2025	LUC
30	Đường Giao thông vành đai đoạn từ đường nối tỉnh lộ 354- đường bộ ven biển đến đê biển xã Đại Hợp	6,30		6,30	Đoàn Xá, Đại Hợp	2026-2030	LUC
31	Đường giao thông kết nối đoạn từ điểm giao nhau giữa đường nối tỉnh lộ 354 - đường bộ ven biển đến đê biển xã Đoàn Xá (đoạn giáp chân cầu Văn Úc	2,70		2,70	Xã Đoàn Xá	2026-2030	LUC
32	Xây dựng đường nối 402 đến đường bộ ven biển	0,40		0,40	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
33	Xây dựng đường từ đường gom cao tốc đến khu My Điền	0,50		0,50	Xã Đại Đồng, Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
34	Xây dựng tuyến đường từ Việt Hàn đến Hoà Nghĩa (song song với đường cao tốc)	2,00		2,00	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
35	Xây dựng trạm bến xe buýt tại xã Tân Trào	0,20		0,20	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
36	Xây dựng đường liên xã Thanh Sơn - Hữu Bằng	0,12		0,12	Xã Thanh Sơn	2026-2030	LUC
37	Xây dựng đường liên xã Thanh Sơn - Thụy Hương	0,15		0,15	Xã Thanh Sơn	2026-2030	LUC
38	Xây dựng cầu qua Sông Đa Độ (từ Cầu Đen đến đường 405)	5,00		5,00	Thị trấn Núi Đồi, xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
39	Xây dựng đường chống lụt bão (giai đoạn 2)	1,50		1,50	Xã Tân Phong	2021-2025	LUC, NTS
40	Xây dựng đường giao thông kết nối từ đường nối tỉnh lộ 35 đến đường 402 (đi qua khu tường niệm các vua nhà Mạc, xã Ngũ Đoan	1,00		1,00	Xã Ngũ Đoan	2026-2030	LUC
	3. Đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng (tại các xã, thị trấn)	65,38		65,38		2021-2030	LUC
1	Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông	5,70		5,70	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC
2	Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường trục chính nội đồng trên địa bàn xã Đại Đồng	2,83		2,83	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC
3	Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Đại Hợp	3,62		3,62	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC+LUK
4	Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường trục chính nội đồng trên địa bàn xã Đại Hợp	2,00		2,00	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC
5	Xây dựng nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Đoàn Xá	4,60		4,60	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
6	Xây dựng nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Đông Phương	1,57		1,57	Xã Đông Phương	2021-2025	LUC+NS
7	Xây dựng nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Tân Phong	1,50		1,50	Xã Tân Phong	2021-2025	LUC
8	Xây dựng nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Du Lễ	1,73		1,73	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
9	Xây dựng nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Kiến Quốc	2,30		2,30	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC
10	Xây dựng nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Ngũ Đoan	4,80		4,80	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
11	Xây dựng nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Thanh Sơn	2,51		2,51	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC+NTS
12	Xây dựng nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Thuận Thiên	4,05		4,05	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC+NTS
13	Xây dựng nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Ngũ Phúc	3,88		3,88	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
14	Xây dựng nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Thụy Hương	4,80		4,80	Xã Thụy Hương	2021-2025	LUC
15	Xây dựng nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Hữu Bằng	2,40		2,40	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
16	Xây dựng nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Đại Hà	4,31		4,31	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
17	Xây dựng nâng cấp các tuyến đường giao thông theo chương trình Nông thôn mới trên địa bàn xã Tú Sơn	5,20		5,20	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC+NTS
18	Xây dựng nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Minh Tân	7,58		7,58	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
	Đất thủy lợi	27,80		27,80			
1	Dự án đê tả sông Văn Úc	1,70		1,70	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
		4,80		4,80	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
		10,00		10,00	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC
2	Xây dựng trạm bơm số 2 thôn Hòa Liễu	0,01		0,01	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
3	Xây dựng, mở rộng một số tuyến kênh cấp II theo chương trình NTM trên địa bàn xã Thuận Thiên	1,50		1,50	Xã Thuận Thiên	2021-2030	LUC
4	Nâng cấp hệ thống đê điều+ Hệ thống thủy lợi nội đồng XD nông thôn mới trên địa bàn xã Du Lễ	1,00		1,00	Xã Du Lễ	2021-2030	LUC
5	Nâng cấp hệ thống đê điều+ Hệ thống thủy lợi nội đồng XD nông thôn mới trên địa bàn xã Kiến Quốc	1,00		1,00	Xã Kiến Quốc	2021-2030	LUC
6	Xây dựng tuyến từ ngã 3 vui hát đến quán bà Lãng cầu ông Chung đến giáp An Thọ	0,26		0,26	Xã Ngũ Phúc	2021-2030	LUC
7	Nâng cấp hệ thống đê điều+hệ thống thủy lợi nội đồng xd nông thôn mới trên địa bàn xã Tú Sơn	2,28		2,28	Xã Tú Sơn	2021-2030	LUC
8	Nâng cấp hệ thống đê điều+ Hệ thống thủy lợi nội đồng XD nông thôn mới trên địa bàn xã Thanh Sơn	1,20		1,20	Xã Thanh Sơn	2021-2030	LUC

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
9	Nâng cấp hệ thống đê điều + hệ thống thủy lợi nội đồng theo chương trình nông thôn mới trên địa bàn xã Đại Hợp	1,00		1,00	Xã Đại Hợp	2021-2030	LUC
10	Xây dựng trạm bơm thôn Đức Phong và Phong Quang xã Đại Đồng	0,02		0,02	Xã Đại Đồng	2021-2030	LUC
11	Xây dựng trạm bơm thôn Phương Đôi	0,03		0,03	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
12	Xây dựng hệ thống máng thoát nước khu đầu giá thôn 5, xã Đại Hà	0,10		0,10	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
13	Nâng cấp hệ thống thủy lợi nội đồng theo chương trình nông thôn mới trên địa bàn xã Đại Đồng	2,90		2,90	Xã Đại Đồng	2021-2030	LUC
	Đất nông lượng	8,12	-	8,12	-		
1	Xây dựng trạm biến áp 220kv	6,17		6,17	Đại Đồng; Đông Phương	2021-2025	LUC+NTS
2	Xây dựng trạm biến áp 110 KV	1,00		1,00	Xã Thụy Hương	2021-2025	LUC
3	Xây dựng mới trạm 110kv (Đại Hợp - Đoàn xá); Dự án nâng cao hiệu quả lưới điện trung, hạ áp	0,69		0,69	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUK
4	Dự án nâng cao hiệu quả lưới điện trung, hạ áp	0,06		0,06	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
5	Dự án nâng cao hiệu quả lưới điện trung, hạ áp	0,05		0,05	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
6	Dự án nâng cao hiệu quả lưới điện trung, hạ áp	0,04		0,04	Xã Tân Phong	2021-2025	LUC
7	Dự án nâng cao hiệu quả lưới điện trung, hạ áp	0,04		0,04	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
8	Xây dựng các trạm biến áp Đức phong 3, Trạm biến áp Đức Phong 4, Trạm biến áp thôn Phong Cầu 2, Trạm biến áp thôn Phong Quang 1, trạm biến áp thôn	0,05		0,05	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC
9	Xây dựng trạm điện thôn Hòa Liễu	0,01		0,01	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
10	Xây dựng trạm điện thôn Hòa Liễu (di chuyển vị trí	0,01		0,01	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
11	Xây dựng trạm điện thôn Úc Gián	0,01		0,01	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
	Đất văn hóa (tại các xã, thị trấn)	8,55	0,90	7,65		2021-2030	
1	Xây dựng đài tưởng niệm (lấy vào đất phòng giáo	0,12		0,12	TT Núi Đôi	2021-2025	TSC
2	Xây dựng công trình văn hoá huyện (theo QH thị trấn mở rộng)	2,40		2,40	Xã Hữu Bằng	2026-2030	LUC
3	Xây dựng nhà văn hóa Đoàn Xá 3	0,20		0,20	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
4	Xây dựng mở rộng Nhà văn hóa Đoàn Xá 4	0,27	0,07	0,20	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
5	Xây dựng nhà văn hóa Đoàn Xá 1	0,20		0,20	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
6	Xây dựng nhà văn hóa Đắc Lộc	0,20		0,20	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
7	Xây dựng nhà văn hóa Đoàn Xá 2	0,20		0,20	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
8	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đại Trà Sơn	0,05		0,05	Xã Đông Phương	2021-2025	LUC
9	Xây dựng nhà văn hóa + sân thể thao thôn Đức Phong: 0,11 ha, Thôn Phong Cầu 2 : 0,11 ha .	0,22		0,22	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC
10	Xây dựng nhà văn hóa thôn Quán Bơ + Thôn 1	0,15		0,15	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
11	Xây dựng đất văn hóa thôn 4	0,25		0,25	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
12	Xây dựng nhà văn hóa + sân thể thao (Thôn 2, 3, 6, 5)	1,87	0,07	1,80	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC
13	Xây dựng mở rộng nhà văn hóa thôn Đại Thắng	0,22	0,17	0,05	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
14	Xây dựng mở rộng nhà văn hóa thôn Đương Thắng	0,36	0,19	0,17	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
15	Nhà văn hóa thôn Tiền Anh (chuyển vị trí mới, vị trí cũ chuyển sang đất ở)	0,20		0,20	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
16	Xây dựng mở rộng nhà văn hóa thôn Đồng Rôi	0,14	0,11	0,03	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
17	Xây dựng mở rộng nhà văn hoá thôn Kỳ Sơn	0,10		0,10	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
18	Xây dựng mở rộng đài tưởng niệm bia chiến thắng	0,44	0,29	0,15	Xã Thụy Hương	2021-2025	LUC
19	Xây dựng sân thể thao và nhà Văn hóa thôn 5	0,03		0,03	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
20	Xây dựng nhà văn hóa thôn 3, thôn 4, thôn 7	0,08		0,08	Xã Tú Sơn	2021-2025	BHK
21	Xây dựng nhà văn hóa thôn 2	0,10		0,10	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
22	Xây dựng nhà văn hóa, sân thể thao thôn Văn Hòa	0,60		0,60	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
23	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Quần Mục 4	0,10		0,10	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC
24	Xây dựng nhà văn hóa thôn Xuân Đoài	0,05		0,05	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
	Đất y tế (tại các xã, thị trấn)	3,49	0,23	3,26		2021-2030	
1	Xây dựng mới trạm y tế	0,35		0,35	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC+NTS
2	Xây dựng mở rộng trạm y tế	0,04		0,04	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC
3	Xây dựng công trình y tế huyện (theo QH thị trấn mở rộng)	2,55		2,55	Xã Hữu Bằng	2026-2030	LUC
4	Xây dựng mở rộng trạm y tế	0,35	0,23	0,12	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
5	Xây dựng mới trạm y tế (cạnh trụ sở công an)	0,20		0,20	Xã Đại Hà	2026-2030	LUC
	Đất giáo dục đào tạo (tại các xã, thị trấn)	22,35	7,95	14,40		2021-2030	
1	Xây dựng trường THCS Đại Đồng	0,80		0,80	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC
2	Xây dựng đất giáo dục xã Kiến Quốc (Trường THCS)	1,15		1,15	Xã Kiến Quốc	2021-2030	LUC
3	Xây dựng mở rộng trường mầm non Kiến Quốc	0,30		0,30	Xã Kiến Quốc	2021-2030	LUC

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
4	Xây dựng mở rộng trường mầm non xã Ngũ Đoan	0,55	0,39	0,16	Xã Ngũ Đoan	2021-2030	NTS
5	Xây dựng trường Tiểu Học (chuyển vị trí mới)	1,00		1,00	Xã Ngũ Đoan	2021-2030	LUC
6	Mở rộng trường Trung học cơ sở xã Tân Trào	1,80		1,80	Xã Tân Trào	2021-2030	LUC
7	Xây dựng mở rộng trường mầm non xã Tân Trào	0,46	0,23	0,23	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
8	Xây dựng mở rộng trường trung học cơ sở xã Tân Phong	0,10		0,10	Xã Tân Phong	2021-2030	LUC
9	Xây dựng mở rộng xây dựng trường tiểu học xã Thanh Sơn	0,95	0,55	0,40	Xã Thanh Sơn	2021-2030	LUC
10	Xây dựng mở rộng xây dựng trường THCS xã Thanh Sơn	0,43	0,33	0,10	Xã Thanh Sơn	2021-2030	LUC
11	Xây dựng trường Mầm non xã, tại Thôn Cẩm La, xã Thanh Sơn	0,61		0,61	Xã Thanh Sơn	2021-2030	LUC
12	Xây dựng Trường THCS Thuận Thiên (Khi có Dự án đường sắt đi qua sẽ chuyển sang vị trí QH mới)	1,50		1,50	Xã Thuận Thiên	2021-2030	LUC
13	Xây dựng mở rộng trường tiểu học Thụy Hương	0,15		0,15	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
14	Xây dựng mở rộng trường mầm non Thụy Hương	0,47	0,32	0,15	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
15	Xây dựng mở rộng trường Mầm non	1,23	0,53	0,70	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
16	Xây dựng mở rộng trường Tiểu học	1,49	0,99	0,50	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
17	Xây dựng mở rộng trường Trung học	1,36	0,66	0,70	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
18	Xây dựng mở rộng trường mầm non	0,92	0,52	0,40	Xã Tú Sơn	2021-2030	LUC
19	Quy hoạch đất giáo dục(cho 2 xã Du Lễ và Kiến Quốc trên đất xã Du Lễ)	0,75		0,75	Xã Du Lễ	2021-2030	LUC
20	Xây dựng mở rộng trường tiểu học (vị trí trường trung học cơ sở)	0,20		0,20	Xã Đoàn Xá	2021-2030	DGD
21	Xây dựng mở rộng trường THCS	2,17	0,87	1,30	Xã Đoàn Xá	2021-2030	LUC
22	Xây dựng mở rộng trường mầm non trung tâm	0,41	0,21	0,20	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
23	Xây dựng mở rộng trường tiểu học ra phí Bắc của trường hiện trạng	1,49	0,79	0,70	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
24	Xây dựng mở rộng trường THCS ra phía Bắc	0,85	0,55	0,30	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
25	Xây dựng mở rộng trường Mầm Non	0,48	0,38	0,10	Xã Đại Hà	2021-2030	LUC
26	Xây dựng mở rộng trường Trung học cơ sở	0,72	0,62	0,10	Xã Đại Hà	2021-2030	LUC
	Đất thể dục thể thao (tại các xã, thị trấn)	14,73	0,50	14,23			
1	Xây dựng sân vận động trung tâm xã	1,20		1,20	Xã Đại Đồng	2021-2030	LUC
2	Xây dựng mở rộng sân thể thao thôn Quần Mục	0,40		0,40	Xã Đại Hợp	2021-2030	LUC
3	Xây dựng sân thể thao, cây xanh thôn Quần Mục 4	0,80		0,80	Xã Đại Hợp	2021-2030	LUC
4	Xây dựng sân vận động xã	1,20		1,20	Xã Đoàn Xá	2021-2030	LUC
5	Xây dựng sân thể thao trung tâm xã	1,00		1,00	Xã Kiến Quốc	2021-2030	LUC
6	Xây dựng sân vận động trung tâm huyện	4,00		4,00	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
7	Xây dựng sân vận động trung tâm xã, công viên cây xanh	1,50		1,50	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
8	Xây dựng sân thể thao (Ao ông Nhiều)	0,20		0,20	Xã Đại Hà	2021-2030	LUC
9	Xây dựng sân thể thao (Ao ông Dũng)	0,06		0,06	Xã Đại Hà	2021-2030	NTS
10	Xây dựng sân thể thao (Ao ông Thuận đến ao ông	0,40		0,40	Xã Đại Hà	2021-2030	LUC+NTS
11	Mở rộng sân thể thao trung tâm	0,66	0,50	0,16	Xã Đại Hà	2021-2030	LUC
12	Xây dựng sân thể thao Ao họ Đỗ	0,07		0,07	Xã Đại Hà	2021-2030	NTS
13	Xây dựng sân thể thao vị trí Ao thôn	0,15		0,15	Xã Đại Hà	2021-2030	LUC
14	Xây dựng sân thể thao thôn Mai Dương	0,40		0,40	Xã Ngũ Phúc	2021-2030	LUC
15	Xây dựng sân thể thao Xuân Đoài	0,15		0,15	Xã Ngũ Phúc	2021-2030	LUC
16	Xây dựng sân thể thao Xuân Chiềng	0,15		0,15	Xã Ngũ Phúc	2021-2030	LUC
17	Xây dựng khu thể thao, nhà thi đấu đa năng huyện	1,10		1,10	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
18	Xây dựng khu sân thể dục thể thao xã Minh Tân	0,90		0,90	Xã Minh Tân	2021-2030	LUC
19	Xây dựng sân thể thao thôn Kim Đới 2	0,20		0,20	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
20	Xây dựng sân thể thao thôn Văn Cao	0,20		0,20	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
	Đất chợ (tại các xã, thị trấn)	9,59	0,79	8,80			
1	Xây dựng mở rộng chợ xã	0,15	0,09	0,06	Xã Đại Đồng	2021-2030	LUC
2	Xây dựng mở rộng chợ Thiên Lộc	0,30	0,20	0,10	Xã Đoàn Xá	2021-2030	LUC
3	Xây dựng chợ xã tại xứ đồng Đò	1,00		1,00	Xã Đoàn Xá	2021-2030	LUC
4	Xây dựng mở rộng chợ Mỗ	0,26	0,20	0,06	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
5	Xây dựng mới chợ thủy sản và trung tâm thương mại	4,30		4,30	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC
6	Xây dựng mở rộng chợ giai đoạn 2	0,40	0,24	0,16	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
7	Xây dựng mở rộng chợ (lấy vào đất nhà văn hóa thôn 2)	0,08	0,06	0,02	Xã Tú Sơn	2021-2025	DVH
8	Xây dựng chợ trung tâm xã	0,50		0,50	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
9	Xây dựng chợ xã	0,30		0,30	Xã Tân Phong	2021-2025	LUC
10	Xây dựng mở rộng chợ Đại Lộc	1,90		1,90	Xã Đại Hợp	2026-2030	LUC
11	Xây dựng mở rộng chợ thôn Ngọc Liên	0,10		0,10	Xã Đại Hà	2021-2030	LUC

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
12	Xây dựng chợ Dân Sinh xã Đại Hà (GD2)	0,30		0,30	xã đại Hà	2021-2025	
	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	7,74	-	7,74			
1	Xây dựng trung tâm điều dưỡng	7,74		7,74	Xã Thanh Sơn	2026-2030	LUC
VII	Đất di tích lịch sử- văn hóa	15,25	0,21	15,04			
1	Xây dựng khu tưởng niệm các vua nhà Mạc	13,20		13,20	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
2	Xây dựng mở rộng, trùng tu, mở rộng khuôn viên di tích Văn Miếu	0,25	0,21	0,04	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
3	Xây dựng khuôn viên cây xanh giáp trường thcs	0,40		0,40	Đại Hợp	2021-2025	LUC
4	Xây dựng, mở rộng Từ đường Họ Mạc	1,40		1,40	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
VIII	Đất rác thải	19,90	1,45	18,45			
1	Xây dựng bãi xử lý rác thải huyện Kiến Thụy	7,60		7,60	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
2	Xây dựng mở rộng bãi rác	0,36	0,20	0,16	Xã Đại Đồng	2021-2030	LUC
3	Xây dựng đất bãi thải, xử lý chất thải	1,00		1,00	Xã Đông Phương	2021-2030	NTS
4	Xây dựng mở rộng bãi tập kết rác	1,60	1,00	0,60	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
5	Xây dựng bãi xử lý rác thải tại xã Tân Trào	0,80		0,80	Xã Tân Trào	2021-2030	LUC
6	Xây dựng khu thu gom nước thải tại xã Tân Trào	0,30		0,30	Xã Tân Trào	2021-2030	LUC
7	Xây dựng bãi tập kết rác trên địa bàn xã Thanh Sơn	1,15		1,15	Xã Thanh Sơn	2021-2030	LUC
8	Xây dựng mở rộng bãi rác thôn Úc Gián	0,47	0,14	0,33	Xã Thuận Thiên	2021-2030	LUC
9	Xây dựng mở rộng bãi rác thôn Hòa Liễu	0,20	0,11	0,09	Xã Thuận Thiên	2021-2030	LUC
10	Xây dựng Khu xử lý nước thải thôn Trà Phương, Phương Đồi	0,50		0,50	Xã Thụy Hương	2021-2025	NTS
11	Xây dựng Khu xử lý nước thải thôn Quế Lâm	0,17		0,17	Xã Thụy Hương	2021-2025	NTS
12	Dự án nâng cấp mở rộng bãi rác thôn Quế Lâm trong Đề án xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thành phố	0,21		0,21	Xã Thụy Hương	2021-2025	LUC
14	Xây dựng bãi tập kết rác thôn Lão Phú	0,07		0,07	Xã Tân Phong	2021-2030	LUC
15	Xây dựng bãi tập kết rác thôn Kinh Trục	0,10		0,10	Xã Tân Phong	2021-2031	LUC
16	Xây dựng bãi tập kết rác khu đồng Gò Ngô	0,03		0,03	Xã Tân Phong	2021-2032	LUC
17	Xây dựng bãi tập kết rác trên địa bàn xã Minh Tân	1,00		1,00	Xã Minh Tân	2021-2030	LUC
18	Mở rộng bãi rác (chờ khi có nhà máy xử lý rác mới)	0,50		0,50	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
20	Xây dựng bãi tập kết rác tại thôn Kim Đới 1	0,50		0,50	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
21	Xây dựng bãi tập kết rác tại thôn Kim Đới 2	0,50		0,50	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
22	Xây dựng bãi tập kết rác tại thôn Kim Đới 3	0,50		0,50	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
23	Xây dựng các bãi tập kết rác trên địa bàn xã Đại Hợp	2,34		2,34	Xã Đại Hợp	2021-2030	NKH
IX	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ	14,18		14,18			
1	Đất ở thị trấn Núi Đồi	14,18		14,18			
1.1	Dự án xây dựng khu dân cư mới tại TDP Cẩm Xuân (khu Đồng Cửa, sau kho Bạc)	1,10		1,10	TT.Núi Đồi	2021-2025	LUC
1.2	Dự án xây dựng khu dân cư mới tại TDP Cẩm Xuân (khu sau huyện đội- vị trí 2)	0,11		0,11	TT.Núi Đồi	2021-2025	LUC
1.3	Dự án xây dựng khu dân cư mới tại TDP Cẩm Xuân (sau huyện đội - vị trí 2)	0,05		0,05	TT.Núi Đồi	2021-2025	LUC
1.4	Dự án xây dựng khu dân cư mới tại thôn Tân Linh xã Minh Tân và tổ dân phố Cầu Đen, TT Núi Đồi	3,58		3,58	TT.Núi Đồi	2021-2025	LUC
1.5	Dự án xây dựng khu Dân Cư mới tại TDP Cẩm Xuân (Khu Đồng Phú)	0,20		0,20	TT.Núi Đồi	2021-2025	LUC
1.6	Dự án xây dựng khu dân cư mới TDP Cẩm Xuân (Sau trung tâm chính trị)	0,04		0,04	TT.Núi Đồi	2021-2025	LUC
1.7	Dự án xây dựng khu dân cư mới tại TDP Cẩm Xuân (khu Đồng Cửa Giáp nhà ông Dúy)	0,03		0,03	TT.Núi Đồi	2021-2025	LUC
1.8	Dự án xây dựng khu dân cư mới tại TDP Thọ Xuân (khu Chăn nuôi)	0,02		0,02	TT.Núi Đồi	2021-2025	LUC
1.9	Dự án xây dựng khu dân cư mới tại TDP Thọ Xuân (khu sau Bệnh Viện)	0,50		0,50	TT.Núi Đồi	2021-2025	LUC
1.10	Dự án xây dựng khu dân cư mới tại TDP Thọ Xuân (giáp đất xã Hữu Bằng)	2,50		2,50	TT.Núi Đồi	2021-2025	LUC
1.11	Dự án xây dựng khu dân cư mới tại TDP Cầu Đen	6,05		6,05	TT.Núi Đồi	2021-2025	LUC;NTS
X	ĐẤT Ở TẠI CÁC XÃ	697,13		697,13			
2	Đất ở tại xã Đại Đồng	28,31		28,31			
2.1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn Đức Phong	0,05		0,05	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC
2.2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn Phong Cầu 2	0,04		0,04	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
2.3	Khu dân cư mới tại Phong Cầu 1, Phong Cầu 2, Đức Phong	4,61		4,61	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC
2.4	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn Phong Cầu 1	0,06		0,06	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC
2.5	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Khu Đồng Môi, thôn Đức Phong	4,50		4,50	Xã Đại Đồng	2026-2030	LUC
2.6	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Khu nhà máy nước, thôn Đức Phong	0,50		0,50	Xã Đại Đồng	2026-2030	LUC
2.7	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Khu Trạm bơm Phong Cầu 2	2,20		2,20	Xã Đại Đồng	2026-2030	LUC
2.8	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Khu Đồng Nhồi, thôn Đức Phong	6,90		6,90	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC
2.9	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Khu Đồng Nhồi, thôn Đức Phong (Khu Láng Khoáng)	4,50		4,50	Xã Đại Đồng	2021-2025	LUC
2.10	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn Phong Quang	2,18		2,18	Xã Đại Đồng	2026-2030	LUC
2.11	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn Phong Quang 1	2,77		2,77	Xã Đại Đồng	2026-2030	LUC
3	Đất ở tại xã Đoàn Xá	56,51		56,51			
3.1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại xứ đồng Văn Khê, xứ đồng Đò (GD 1)	6,81		6,81	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC+NTS
3.2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại xứ đồng Văn Khê, xứ đồng Đò (GD2)	6,81		6,81	Xã Đoàn Xá	2026-2030	LUC+NTS
3.3	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đoàn Xá gần cầu H6	4,35		4,35	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
3.4	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đồng Xá	1,87		1,87	Xã Đoàn Xá	2026-2030	LUC
3.5	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đắc Lộc 2(Khu giếng trên)	0,29		0,29	Xã Đoàn Xá	2026-2030	LUC
3.6	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đắc Lộc 2(Khu Láng Kênh)	3,66		3,66	Xã Đoàn Xá	2026-2030	LUC
3.7	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Phúc Xá (khu Là Ngồi)	5,00		5,00	Xã Đoàn Xá	2026-2030	LUC
3.8	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Phúc Xá (khu phía tây đền Yết Kiêu)	4,66		4,66	Xã Đoàn Xá	2026-2030	LUC
3.9	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Phúc Xá (GD 2)	7,72		7,72	Xã Đoàn Xá	2026-2030	LUC
3.10	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đoàn Xá 1(Khu sông đào)	1,80		1,80	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
3.11	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đoàn Xá 1(Khu cầu ông Ghi)	1,24		1,24	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
3.12	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đoàn Xá 1(Khu nhà ông Vững)	0,90		0,90	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
3.13	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đoàn Xá 1(Khu giáp đường bộ ven biển)	1,58		1,58	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
3.14	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đoàn Xá 2(Khu Gò Rá)	0,30		0,30	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
3.15	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đoàn Xá 2(Khu nhà ông Mã)	3,20		3,20	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
3.16	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đoàn Xá 2(Khu đồng Đò)	0,53		0,53	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
3.17	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đoàn Xá 3(Khu gò Rá)	0,72		0,72	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
3.18	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đoàn Xá 3(Khu đồng Đò)	0,67		0,67	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
3.19	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đoàn Xá 4(Khu đồng Đò)	1,96		1,96	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
3.20	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đoàn Xá 4(Khu đối diện với đất thể thao)	0,10		0,10	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
3.21	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đoàn Xá 4(Giáp nhà văn hoá)	1,34		1,34	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
3.22	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại xứ đồng Văn Khê	1,00		1,00	Xã Đoàn Xá	2021-2030	LUC
4	Đất ở tại xã Đông Phương	83,30		83,30			
4.1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Khu Cụ Đá, đối diện sân vận động thôn Đại Trà	3,67		3,67	Xã Đông Phương	2021-2025	LUC

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
4.2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn Lạng Côn (khu Bến Đò)	1,90		1,90	Xã Đông Phương	2021-2025	LUC
4.3	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại xứ đồng Láng, đồng trạm bơm, đồng Sóc Sur	40,00		40,00	Xã Đông Phương	2021-2025	LUC,BHK,NTS,DGT,DTL
4.4	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Lạng Côn Hà(phía đông trạm điện)	0,73		0,73	Xã Đông Phương	2021-2025	LUC
4.5	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu vực giáp cây xăng	0,10		0,10	Xã Đông Phương	2021-2025	LUC
4.6	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn Lạng Côn (khu Mã Cả)	1,90		1,90	Xã Đông Phương	2021-2025	LUC
4.7	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn Lạng Côn (GĐ1 - gồm cả đất ở tái định cư dự án mở rộng đường kênh Hòa Bình)	17,50		17,50	Xã Đông Phương	2021-2025	LUC
4.8	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn Lạng Côn Hà (GĐ2)	17,50		17,50	Xã Đông Phương	2026-2030	LUC
5	Đất ở tại xã Du Lễ	11,93		11,93			
5.1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Đồng Sau Miếu thôn Quán Bơ	2,50		2,50	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
5.2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu nhà văn hóa thôn Quán Bơ	0,20		0,20	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
5.3	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Đầm Thống Nhất thôn 2	3,80		3,80	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
5.4	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Đầm Cồng Lậu thôn 2	1,02		1,02	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
5.5	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại sau nhà ông Lưu thôn 2	2,15		2,15	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
5.6	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn 3	0,55		0,55	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
5.7	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Khu Lãng Quế thôn 4	0,23		0,23	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
5.8	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn 5 (Trường tiểu học)	0,20		0,20	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
5.9	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Ao Sâu thôn 5	1,28		1,28	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
6	Đất ở tại xã Kiến Quốc	45,74		45,74			
6.1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn 1 (Khu chợ thủy sản)	2,05		2,05	Xã Kiến Quốc	2021-2024	LUC
6.2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn 2 (Khu nhà máy nước)	0,39		0,39	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC
6.3	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu giáp ranh giữa thôn 2 và thôn 9	1,95		1,95	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC
6.4	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn 9 (giáp nhà văn hoá thôn 9)	0,32		0,32	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC
6.5	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn 9 (Khu xứ đồng Cửa Máng)	0,42		0,42	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC
6.6	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn 8 (giáp nhà văn hoá thôn 8)	1,23		1,23	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC
6.7	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn 8 (phía đông nhà văn hoá thôn 8)	11,20		11,20	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC
6.8	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn 6	2,30		2,30	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC+NTS
6.9	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn 6 (Khu đất xen kẹt)	0,22		0,22	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC+NTS
6.10	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn 6 (phía nam nhà văn hoá thôn 6, nằm sát đường nối tỉnh lộ 354)	10,20		10,20	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC
6.11	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn 6 (xứ đồng Luỹ)	11,82		11,82	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC
6.12	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn 7 (giáp khuôn viên cây xanh)	0,06		0,06	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC
6.13	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn 7 (3 ô nằm ở khu phía Nam khuôn viên cây xanh)	3,58		3,58	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC+NTS
7	Đất ở tại xã Ngũ Đoan	59,45		59,45	Xã Ngũ Đoan	2021-2030	LUC
7.1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Cửa ông Nhựt Ấp đường 407, thôn Đồng Rôi	1,91		1,91	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC+NTS

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
7.2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu Đầm con, thôn Đồng Rôi	3,02		3,02	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
7.3	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Cửa ông Cự, thôn Đồng Rôi	0,12		0,12	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
7.4	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Cửa ông Mạnh, thôn Đồng Rôi	0,16		0,16	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
7.5	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Ao ông Điệp, Nhiệt, Đừ, Lân, Lành, thôn Hòa Nhất	0,43		0,43	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
7.6	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Ao ông Tạc, thôn Hòa Nhất	0,19		0,19	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
7.7	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu Chăn nuôi, thôn Hòa Nhất	0,50		0,50	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
7.8	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Cửa ông Tổ, thôn Trúc	1,34		1,34	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
7.9	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Sau ông Tổ, thôn Trúc	0,45		0,45	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
7.10	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Sau cây xăng đường vào chùa, thôn Dương Thắng	0,35		0,35	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
7.11	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Giáp Đại Hà bìa đường tỉnh lộ 354, thôn Dương Thắng	0,81		0,81	Xã Ngũ Đoan	2026-2030	LUC
7.12	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Ao Bảo + Bìa đường kênh mới	1,30		1,30	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
7.13	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Ao Mạnh Xuyên cửa ông Bảo chạy dọc kênh mới	0,84		0,84	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
7.14	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Cửa bà Mỹ, thôn Tiền Anh	2,00		2,00	Xã Ngũ Đoan	2026-2030	LUC
7.15	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại nhà văn hóa thôn Tiền Anh cũ	0,15		0,15	Xã Ngũ Đoan	2026-2030	LUC
7.16	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đồng Rôi, Cửa Tuy, Sau Cộng	0,45		0,45	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
7.17	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu cửa nhà văn hóa Dương Thắng	0,85		0,85	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
7.18	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Dương Thắng	0,30		0,30	Xã Ngũ Đoan	2026-2030	LUC
7.19	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đại Thắng	6,97		6,97	Xã Ngũ Đoan	2026-2030	LUC
7.20	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn	0,41		0,41	Xã Ngũ Đoan	2026-2030	LUC
7.21	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Tiền Anh	1,80		1,80	Xã Ngũ Đoan	2026-2030	LUC
7.22	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đồng Rôi	12,00		12,00	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
7.23	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại cửa Xoang khu Tiền Anh	4,00		4,00	Xã Ngũ Đoan	2026-2030	LUC
7.24	Dự án xây dựng nhà ở và thương mại dịch vụ	17,10		17,10	Xã Ngũ Đoan	2021-2026	LUC
7.25	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Dương Thắng (khu văn hoá Dương)	2,00		2,00	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
8	Đất ở tại xã Tân Trào	42,07		42,07			
8.1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn Ngọc Tinh, Thôn Kỳ Sơn	5,40		5,40	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC+NTS
8.2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Kim Sơn	7,50		7,50	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
8.3	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn Đa Ngự (Khu cửa ông Độ)	1,20		1,20	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
8.4	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn Đa Ngự (Khu Đồi tư)	1,37		1,37	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
8.5	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn Đa Ngự (Phía đông thôn Đa Ngự)	2,00		2,00	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
8.6	Quy hoạch khu dân cư xứ đồng Mỏ	24,60		24,60	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC+NTS
9	Đất ở tại xã Thanh Sơn	41,65		41,65			
9.1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu đồng Cửa Đình thôn Xuân La	0,50		0,50	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9.2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu đồng Vải thôn Xuân La	1,40		1,40	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9.3	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu nhà ông Quất thôn Xuân La	1,08		1,08	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
9.4	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Tiền Đồng, thôn Xuân La	1,97		1,97	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9.5	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại đồng Hồ, thôn Cẩm La	1,60		1,60	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9.6	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại đồng Hồ Cùng, thôn Cẩm La	2,50		2,50	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9.7	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại đồng Cây Đa, thôn Cẩm La	1,90		1,90	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9.8	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại đồng Ao Đình, thôn Cẩm La	4,35		4,35	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9.9	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại đồng Châu Sơn, thôn Cẩm La	1,15		1,15	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9.10	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại đồng Láng, thôn Cẩm La	1,28		1,28	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9.11	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại đồng Cửa đình, thôn Cẩm La	0,75		0,75	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9.12	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu đồng Hoa, thôn Cẩm La	0,46		0,46	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9.13	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu đồng Hồ Bến, đồng Cửa Lải, thôn Cẩm La	5,18		5,18	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9.14	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu đồng Cây Vồng, đồng Nái, thôn Cẩm La	5,42		5,42	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9.15	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu trước sân vận động xã, thôn Cẩm La	3,84		3,84	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9.16	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Cẩm Hoàn (xứ đồng Gốc Đa)	1,00		1,00	Xã Thanh Sơn	2026-2030	LUC
9.17	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại xứ đồng Ngõ Bộ thôn Cẩm Hoàn	0,74		0,74	Xã Thanh Sơn	2026-2030	LUC
9.18	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Cẩm Hoàn (Chuyển mục đích sử dụng đất xen kẹt)	0,80		0,80	Xã Thanh Sơn	2021-2030	LUC
9.19	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại xứ đồng vườn tuần, thôn Cẩm Hoàn	2,87		2,87	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9.20	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại xứ đồng Văn Miếu, xứ đồng Góc Bàng	2,13		2,13	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9.21	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại cạnh UBND	0,40		0,40	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
9.22	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại 3 vị trí trường mầm non sau khi chuyển vị trí mới	0,33		0,33	Xã Thanh Sơn	2026-2030	DGD
10	Đất ở tại xã Thuận Thiên	16,71		16,71			
10.1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Cỏ Sam đội 4 thôn Úc Gián	0,66		0,66	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
10.2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Cỏ Sam đội 4 và đội 5 thôn Úc Gián	0,31		0,31	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
10.3	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Đường Mai đội 9 thôn Xuân Úc	0,80		0,80	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
10.4	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Cống Đồng đội 3 thôn Úc Gián (2 vị trí)	2,34		2,34	Xã Thuận Thiên	2026-2030	LUC
10.5	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Đầm Cá đội 1,2 thôn Úc Gián	0,62		0,62	Xã Thuận Thiên	2026-2030	LUC
10.6	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Cửa ông Thiệu đội 3 thôn Úc Gián	0,58		0,58	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
10.7	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Đầm Cò đội 4, 5 thôn Úc Gián và đội 7 thôn Xuân Úc	0,71		0,71	Xã Thuận Thiên	2026-2030	LUC
10.8	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Xứ đồng Miếu đội 6A thôn Xuân Úc	1,30		1,30	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
10.9	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Ngõ ông Trí đội 6A, 6B thôn Xuân Úc (3 vị trí)	2,40		2,40	Xã Thuận Thiên	2026-2030	LUC
10.10	Quy hoạch đất ở Xứ đồng Cửa Miếu đội 6B thôn Xuân Úc	1,40		1,40	Xã Thuận Thiên	2021-2030	LUC
10.11	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới Bên cạnh chợ trung xã, thôn Xuân Úc	0,05		0,05	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
10.12	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Cửa đội, đội 9 thôn Xuân Úc (3 vị trí)	1,04		1,04	Xã Thuận Thiên	2026-2030	LUC
10.13	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Ngõ ông Ghê đội 9 thôn Xuân Úc	0,10		0,10	Xã Thuận Thiên	2026-2030	LUC

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
10.14	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn Xuân Úc (Thửa đất số 422, 423, 411 - Tờ bản đồ số 03)	0,15		0,15	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
10.15	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Ngõ Bò đội 4 và đội 5 thôn Hòa Liễu	0,24		0,24	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
10.16	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Cửa ông Chính đội 5 thôn Hòa Liễu	1,20		1,20	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
10.17	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Xứ đồng Bến đội 5 thôn Hòa Liễu	0,20		0,20	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
10.18	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Ngõ Bà Phin đội 2 thôn Hòa Liễu	0,64		0,64	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
10.19	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Ngõ Bà Phương đội 4 thôn Úc Gián	0,05		0,05	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
10.20	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại xứ đồng Miếu	0,88		0,88	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
10.21	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu cửa bà Tín	0,54		0,54	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
10.22	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu cửa ông Thuần	0,50		0,50	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
11	Đất ở tại xã Thụy Hương	25,86		25,86			
10.1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu cửa ông Đám thôn Trà Phương	2,80		2,80	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
10.2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu ao bà Cửa thôn Trà Phương	0,08		0,08	Xã Thụy Hương	2021-2030	NTS
10.3	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu cửa ông Ty thôn Trà Phương	1,50		1,50	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
10.4	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu kênh bà Diệu thôn Trà Phương	0,48		0,48	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
10.5	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu sau trạm y tế và sau trường tiểu học thôn Trà Phương	0,07		0,07	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
10.6	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu cửa ông Mạc thôn Phương Đồi	1,00		1,00	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
10.7	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu cửa đình thôn Phương Đồi	0,86		0,86	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
10.8	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu cửa ông Ngạnh thôn Quế Lâm	2,10		2,10	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
10.9	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu ao ông Tuy thôn Quế Lâm	0,02		0,02	Xã Thụy Hương	2021-2030	NTS
10.10	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu ao ông Thái thôn Quế Lâm	0,15		0,15	Xã Thụy Hương	2021-2030	NTS
10.11	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu Ngõ ông Tinh thôn Quế Lâm	1,30		1,30	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC;NTS
10.12	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu giáp trạm bơm thôn Quế Lâm	2,00		2,00	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
10.13	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu đồng Hồ Lô thôn Quế Lâm	1,50		1,50	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
10.14	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu Đồng Địa	12,00		12,00	Xã Thụy Hương	2021-2025	LUC
12	Đất ở tại xã Đại Hà	22,37		22,37			
11.1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Ao ông Nhĩ	0,04		0,04	Xã Đại Hà	2021-2025	NKH
11.2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Nhân Trai(giáp chùa Nhân Trai)	7,67		7,67	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
11.3	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu Cửa Đình	0,80		0,80	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
11.4	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Ngọc Liễn (Ao ông Ngồng)	0,04		0,04	Xã Đại Hà	2021-2025	NKH
11.5	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Ngọc Liễn (Khu Rộc trùng gần nhà ông Mi)	1,00		1,00	Xã Đại Hà	2026-2030	LUC
11.6	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại kh Dóm Nhân	0,50		0,50	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
11.7	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại sau	0,40		0,40	Xã Đại Hà	2026-2030	LUC
11.8	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại trước cửa ông Cối	0,80		0,80	Xã Đại Hà	2026-2030	LUC
11.9	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Ao ông Chon	0,25		0,25	Xã Đại Hà	2026-2030	LUC

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
11.10	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Ao họ Búi	0,04		0,04	Xã Đại Hà	2026-2030	LUC
11.11	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu chợ cũ Cao Bộ	0,06		0,06	Xã Đại Hà	2021-2030	LUC
11.12	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Nhân Trai (khu ao mốc)	0,60		0,60	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
11.13	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Nhân Trai (Khu Độc Cẩn)	0,30		0,30	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
11.14	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Nhân Trai (Khu Đường Kim)	2,70		2,70	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
11.15	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu giáp chợ tổng hợp xã Đại Hà	3,00		3,00	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC+NKH
11.16	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu khu nhà ông Cống	0,20		0,20	Xã Đại Hà	2021-2030	LUC
11.17	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới khu giáp Nhà máy nước	1,28		1,28	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
11.18	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới khu giáp ao ông Nhiều	2,30		2,30	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
11.19	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Cao Bộ (giáp nhà ông Dũng)	0,23		0,23	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
11.20	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Cao Bộ (Sau chùa)	0,16		0,16	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
13	Đất ở tại xã Ngũ Phúc	38,34		38,34			
13.1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Xuân Đoài (giáp cống Trại)	1,19		1,19	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Xuân Đoài (Khu Láng Trẻ trước)	1,96		1,96	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.3	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Xuân Đoài (Khu lán Trẻ sau)	1,17		1,17	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.4	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Xuân Đoài (gần khu Quân Xoa)	0,62		0,62	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.5	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Xuân Đoài (Khu cửa Tiệp)	0,66		0,66	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.6	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Xuân Đoài (Khu ao đình)	0,36		0,36	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC,NTS
13.7	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Xuân Đoài (Khu Quân Xoa)	0,27		0,27	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.8	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Xuân Đoài (Khu Láng Xuân, Cửa Trại)	1,36		1,36	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.9	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Xuân Đông(khu đình đông)	1,79		1,79	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.10	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Xuân Đông(Khu cửa Hó)	2,60		2,60	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.11	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Xuân Đông(xứ đồng Láng Ty)	0,56		0,56	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.12	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Xuân Đông (Đông trong, Đông ngoài)	2,50		2,50	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.13	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Xuân Chiềng (giáp nhà máy nước)	0,69		0,69	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.14	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Xuân Chiềng (sau bà Thuyền)	0,29		0,29	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.15	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Xuân Chiềng (Sau Thuyền)	2,34		2,34	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.16	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Xuân Chiềng (Vườn Râm đồng Thân)	4,37		4,37	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.17	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Xuân Chiềng (Khu phía Bắc vườn Râm đồng Thân)	1,18		1,18	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.18	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Nghi Dương (đối diện chợ)	2,12		2,12	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.19	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Nghi Dương (Khu Mã Mai 1)	0,60		0,60	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.20	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Nghi Dương (Khu Mã Mai 2)	0,11		0,11	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.21	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Nghi Dương (Khu Mã Mai 3)	1,08		1,08	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
13.22	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Nghi Dương (sau Thiệu)	0,47		0,47	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.23	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Nghi Dương (Đối diện sau Thiệu)	0,33		0,33	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.24	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Mai Dương (khu đồng Đại, đồng Quán, Mã Tổ, Cửa Đình, Vườn Xuýt)	4,57		4,57	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
13.25	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Mai Dương(khu Láng Càn)	1,10		1,10	Xã Ngũ Phúc	2021-2026	LUC
13.26	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Mai Dương(Khu Cửa Đồi, Đáy Nam)	2,30		2,30	Xã Ngũ Phúc	2021-2027	LUC
13.27	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Mai Dương(Khu cửa đình)	1,16		1,16	Xã Ngũ Phúc	2021-2028	LUC
13.28	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Mai Dương(Khu sau đình)	0,59		0,59	Xã Ngũ Phúc	2021-2029	LUC
14	Đất ở tại xã Tân Phong	9,27		9,27			
14.1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Lão Phong 1	2,00		2,00	Xã Tân Phong	2021-2025	LUC+NTS+DCH
14.2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Lão Phong 1 xứ đồng Khang	0,45		0,45	Xã Tân Phong	2021-2025	LUC
14.3	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Lão Phong 2	0,35		0,35	Xã Tân Phong	2021-2025	LUC
14.4	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu phía tây khu văn hóa, thể thao Thôn Thái Lai	0,70		0,70	Xã Tân Phong	2021-2030	LUC
14.5	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu giáp kênh Thôn Thái Lai	0,48		0,48	Xã Tân Phong	2021-2030	LUC
14.6	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu giáp chốt an ninh Thôn Lão Phú	0,50		0,50	Xã Tân Phong	2021-2030	LUC
14.7	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu gần đường vào nhà thờ Thôn Lão Phú	0,60		0,60	Xã Tân Phong	2021-2030	LUC
14.8	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu giữa làng Thôn Kính Trục	1,00		1,00	Xã Tân Phong	2021-2025	LUC
14.9	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại nhà máy nước	0,10		0,10	Xã Tân Phong	2026-2030	LUC
14.10	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu đồng cỏ ngựa thôn Lão Phong 1	2,00		2,00	Xã Tân Phong	2021-2030	LUC
14.11	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu đồng Khoang thôn Lão Phong 1	0,45		0,45	Xã Tân Phong	2021-2030	LUC
14.12	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại giáp đường vào nhà văn hóa thôn Lão Phong 2	0,35		0,35	Xã Tân Phong	2021-2030	LUC
14.13	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại giáp đường vào đài tưởng niệm thôn Lão Phong 2	0,20		0,20	Xã Tân Phong	2021-2030	LUC
14.14	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại giáp nhà văn hóa thôn Lão Phong 2	0,09		0,09	Xã Tân Phong	2021-2030	LUC
15	Đất ở tại xã Tú Sơn	20,98		20,98			
15.1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn 3+4 (Khu giáp vườn Xưa)	1,39		1,39	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
15.2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn 5 (Khu giáp trường Nguyễn Đức Cảnh)	2,22		2,22	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
15.3	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn 5 (Khu giáp chợ)	1,47		1,47	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
15.4	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn 3, thôn 6	2,68		2,68	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
15.5	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn 2 (Nhà Văn hóa thôn 2)	0,09		0,09	Xã Tú Sơn	2021-2025	DVH
15.6	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới giáp nhà ông Nhuận thôn 2	1,24		1,24	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
15.7	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại xứ đồng Đàm Trên	6,84		6,84	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
15.8	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại xứ đồng Quán	0,16		0,16	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
15.9	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại xứ đồng Đàm thôn 7	0,60		0,60	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
15.10	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu ông Thi thôn 7	0,30		0,30	Xã Tú Sơn	2021-2025	BHK

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
15.11	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đồng Mô	0,38		0,38	Xã Tú Sơn	2021-2025	BHK
15.12	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn 1 giáp nhà Bùi Quang Duân	0,02		0,02	Xã Tú Sơn	2021-2025	SKC
15.13	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại xứ đồng Địa - Gò Gai	3,60		3,60	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
16	Đất ở tại xã Minh Tân	59,67		59,67			
16.1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thống Nhất (Khu Dộc Cây)	0,33		0,33	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
16.2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thống Nhất(Khu Vườn Cam)	0,70		0,70	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
16.3	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Tân Linh (Khu đối diện Mỹ Điền)	1,71		1,71	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
16.4	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Tân Linh(Khu sau ông Thích)	0,22		0,22	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
16.5	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Tân Linh(Khu ao cá)	2,20		2,20	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
16.6	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Tân Linh(Khu Cửa Đình)	2,10		2,10	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
16.7	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Tân Linh(Khu giáp nghĩa trang thôn Tân Linh)	3,44		3,44	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
16.8	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Tân Linh (xứ đồng La Tây)	5,30		5,30	Xã Minh Tân	2021-2030	LUC
16.9	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Tân Linh (xứ đồng Năm)	6,30		6,30	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
16.10	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Vũ Vĩ (Khu phía Nam Đồng Cửa)	1,30		1,30	Xã Minh Tân	2026-2030	LUC
16.11	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Vũ Vĩ(Khu Phía tây sân thể thao xã)	1,08		1,08	Xã Minh Tân	2026-2030	LUC
16.12	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Vũ Vĩ(Khu giáp trường xã Minh Tân)	1,90		1,90	Xã Minh Tân	2026-2030	LUC
16.13	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Vũ Vĩ(Khu phía nam trụ sở công an xã)	0,76		0,76	Xã Minh Tân	2026-2030	LUC
16.14	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Vũ Vĩ(Khu đồng Cửa Dưới)	3,22		3,22	Xã Minh Tân	2026-2030	LUC
16.15	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Vũ Vĩ(Khu Phía tây đất nghĩa trang Thôn Vũ Vĩ)	0,56		0,56	Xã Minh Tân	2026-2030	LUC
16.16	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đoàn Kết(Khu Đồng Sến, đồng Độc)	5,30		5,30	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
16.17	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đoàn Kết(Khu Vườn Quan)	0,70		0,70	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
16.18	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Cốc Liễn (Khu Đồng Sát)	0,10		0,10	Xã Minh Tân	2026-2030	LUC
16.19	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Cốc Liễn (Khu giáp bà Lại)	1,09		1,09	Xã Minh Tân	2026-2030	LUC
16.20	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Cốc Liễn (Khu Giáp Lâm Hiền)	0,31		0,31	Xã Minh Tân	2026-2030	LUC
16.21	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Cốc Liễn (Khu giáp Ông Thi)	0,12		0,12	Xã Minh Tân	2026-2030	LUC
16.22	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Cốc Liễn (Khu đồng Cao)	2,32		2,32	Xã Minh Tân	2026-2030	LUC
16.23	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Cốc Liễn (Khu Đồng Lương Quỳnh)	1,24		1,24	Xã Minh Tân	2026-2030	LUC
16.24	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thọ Linh(Khu đồng Đầm)	2,70		2,70	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
16.25	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thọ Linh(Khu giáp khu đất quân sự)	1,95		1,95	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
16.26	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu Đồng Cửa thôn Thống Nhất	3,80		3,80	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
16.27	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đoàn Kết(Khu đồng Sau)	2,90		2,90	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
16.28	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thấp Linh(Khu phía tây Đồng Tập)	1,20		1,20	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
16.29	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Tân Linh(Khu đối diện chùa Hưng Khánh)	1,60		1,60	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
16.30	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thấp Linh(Khu đồng Thù)	1,22		1,22	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
16.31	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Thấp Linh(Khu đồng Ba Mô)	2,00		2,00	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
17	Đất ở tại xã Hữu Bằng	109,58		109,58			
17.1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại phía bắc trục đường vào Thôn Kim Đới 1	1,20		1,20	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
17.2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại phía nam trục đường vào Thôn Kim Đới 1	1,48		1,48	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
17.3	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại phía tây cây xăng Thôn Kim Đới 1	9,60		9,60	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
17.4	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu phía nam nhà văn hóa Thôn Kim Đới 2	2,30		2,30	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
17.5	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu phía đông nhà văn hóa Thôn Kim Đới 2	1,40		1,40	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC;NTS
17.6	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu phía nam (nhà văn hóa thôn Tam Kiệt) Thôn Kim Đới	1,70		1,70	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
17.7	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu ngõ sau nhà ông Hướng Thôn Kim Đới 2	1,20		1,20	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
17.8	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại Thôn Tam Kiệt	3,63		3,63	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
17.9	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu sau chùa Phổ Chiêu Thôn Văn Hòa	0,50		0,50	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
17.10	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu phía nam nhà ông Hệ Thôn Văn Hòa	0,52		0,52	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
17.11	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu giáp Cống (đâm quán ngói) Thôn Văn Hòa	1,30		1,30	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
17.12	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu trai giống Thôn Văn Hòa	0,40		0,40	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
17.13	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu đầm cửa ao Thôn Văn Hòa	1,20		1,20	Xã Hữu Bằng	2021-2030	NTS
17.14	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu đồng Bộ Thôn Văn Cao	0,50		0,50	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
17.15	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu cửa chùa xóm 3 Thôn Kim Đới 3	0,70		0,70	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
17.16	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu nhà ông Phú Thôn Kim Đới 3	0,35		0,35	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
17.17	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại khu đồng chín mẫu Thôn Kim Đới 3	2,70		2,70	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
17.18	Dự án xây dựng khu đô thị và nhà ở sinh thái (GD1)	40,00		40,00	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
17.19	Dự án xây dựng khu đô thị và nhà ở sinh thái (GD1)	38,90		38,90	Xã Hữu Bằng	2026-2030	LUC
18	Đất ở tại xã Đại Hợp	25,39		25,39			
18.1	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đại Lộc 1(Giáp khuôn viên cây xanh)	5,64		5,64	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC
18.2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đại Lộc 1(Phía tây khu miếu Đại Lộc)	0,97		0,97	Xã Đại Hợp	2021-2025	
18.3	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đại Lộc 1(Đối diện nhà văn hoá)	2,63		2,63	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC
18.4	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đại Lộc 3(Phía đông trụ sở công an)	2,07		2,07	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC
18.5	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đại Lộc 3(Phía tây nhà văn hoá)	3,10		3,10	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC
18.6	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đại Lộc3(Khu Đầm Cuối Trong)	2,90		2,90	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC
18.7	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đại Lộc 3(Khu Đầm Cuối Ngoài)	3,15		3,15	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC
18.8	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đại Lộc 3(Khu Đầm Cuối , sau trạm y tế)	2,21		2,21	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC
18.9	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đông Tác (Đồng Bà Giữa)	0,05		0,05	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC
18.10	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Quần Mục	0,60		0,60	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC
18.11	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Việt Tiến 2 (giáp trụ sở UBND)	1,20		1,20	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC
18.12	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Việt Tiến 3(Khu Đầm Cuối)	0,87		0,87	Xã Đại Hợp	2021-2025	LUC

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
XI	Đất trụ sở cơ quan	2,82	0,61	2,21			
1	Xây dựng Kho bạc huyện Kiến Thụy	0,60		0,60	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
2	Xây dựng trụ sở tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy	0,50		0,50	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
3	Xây dựng trụ sở Chi cục thi hành án huyện Kiến Thụy	0,50		0,50	Xã Minh Tân	2021-2025	LUC
4	Xây dựng mở rộng trụ sở UBND xã Thuận Thiên	0,50	0,22	0,28	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
5	Xây dựng trụ sở Quỹ tín dụng nhân dân xã Thuận	0,03		0,03	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
6	Xây dựng mở rộng UBND xã Hữu Bằng	0,69	0,39	0,30	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
XII	Đất trụ sở công trình sự nghiệp	4,00		4,00			
1	Cục dự trữ Đông Bắc huyện	4,00		4,00	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
XIII	Đất tôn giáo (tại các xã, thị trấn)	10,35	5,88	4,47			
1	Xây dựng mở rộng Chùa Thiên Phúc	0,35	0,25	0,10	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
2	Xây dựng mở rộng chùa Đồng Rôi; chùa cổ	0,25	0,19	0,06	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	LUC
3	Xây dựng mở rộng chùa Diên Khánh	0,30	0,25	0,05	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
4	Xây dựng mở rộng chùa Phúc Khánh	0,74	0,62	0,12	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
5	Xây dựng mở rộng chùa Linh Sơn	1,40	0,88	0,52	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
6	Xây dựng mở rộng chùa Phả Am thôn Xuân Úc	0,94	0,42	0,52	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
7	Xây dựng mở rộng chùa Vĩnh Khánh thôn Úc Gián	1,07	0,72	0,35	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
8	Xây dựng mở rộng chùa Hòa Liễu	3,70	1,20	2,50	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
9	Mở rộng chùa thôn Nhân Trai	0,70	0,50	0,20	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
10	Xây dựng chùa Đồng Mô; mở rộng Chùa Đại Vĩnh	0,91	0,86	0,05	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC
XIV	Đất tín ngưỡng (tại các xã, thị trấn)	3,99	1,16	2,83			
1	Xây dựng mở rộng khu từ đường họ Mạc	1,40	0,69	0,71	Xã Ngũ Đoan	2021-2025	ONT
2	Xây dựng đình thôn Đa Nư	0,19		0,19	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
3	Xây dựng mở rộng miếu	0,11	0,05	0,06	Xã Tân Phong	2021-2025	LUC
4	Xây dựng mở rộng miếu Mục Đồng	0,52	0,42	0,10	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
5	Xây dựng mở rộng Đền Mô	1,50		1,50	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
6	Xây dựng Đình làng thôn Nhân Trai (vị trí Ao Đình sau Ao Mốc)	0,20		0,20	Xã Đại Hà	2021-2025	LUC
7	Xây dựng Đình thôn 3	0,07		0,07	Xã Tú Sơn	2021-2025	TSC
XV	Đất nghĩa trang nghĩa địa (tại các xã, thị trấn)	59,19	26,88	32,31			
1	Xây dựng mở rộng nghĩa trang Đồng Cờ, Đồng Soi	4,70		4,70	Xã Đại Đồng	2021-2030	LUC
2	Xây dựng Nghĩa Trang Đồng 28	1,13		1,13	Xã Đoàn Xá	2021-2030	LUC
3	Xây dựng nghĩa trang Cồn Hải	0,70		0,70	Xã Đông Phương	2021-2030	LUC
4	Xây dựng nghĩa trang nhân dân xã Đông Phương	1,00		1,00	Xã Đông Phương	2021-2030	LUC
5	Xây dựng mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Du Lễ	4,04	3,54	0,5	Xã Du Lễ	2021-2025	LUC
6	Xây dựng mở rộng nghĩa trang Thôn 4, xã Kiến Quốc	3,81	2,51	1,30	Xã Kiến Quốc	2021-2030	LUC
7	Xây dựng mở rộng nghĩa trang thôn Trúc; thôn Đồng Rôi	0,50		0,50	Xã Ngũ Đoan	2021-2030	CSD
8	Xây dựng mở rộng nghĩa trang thôn Cẩm La	0,58	0,38	0,20	Xã Thanh Sơn	2021-2030	LUC
9	Xây dựng mở rộng nghĩa trang tại xứ đồng xuân	1,65	1,46	0,19	Xã Thanh Sơn	2021-2030	LUC
10	Xây dựng mở rộng nghĩa trang thôn Úc Gián,	3,04	2,42	0,62	Xã Thuận Thiên	2021-2030	LUC
11	Xây dựng mở rộng nghĩa trang thôn Hòa Liễu,	3,65	2,60	1,05	Xã Thuận Thiên	2021-2030	LUC
12	Xây dựng mở rộng nghĩa trang thôn Trà Phương	2,41	2,01	0,40	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
13	Xây dựng mở rộng nghĩa trang thôn Phương Đới	2,62	1,62	1,00	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
14	Xây dựng mở rộng nghĩa trang thôn Quế Lâm	1,93	1,23	0,70	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
15	Mở rộng nghĩa trang Mã Riêng	0,99	0,89	0,10	Xã Đại Hà	2021-2030	LUC
16	Xây dựng, mở rộng nghĩa trang Nhân Trai	1,33	1,23	0,10	Xã Đại Hà	2021-2030	LUC
17	Xây dựng nghĩa trang Nghi Dương, Xuân Đoài	2,51		2,51	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
18	Xây dựng mở rộng nghĩa trang xã Tân Phong	1,86	0,86	1,00	Xã Tân Phong	2021-2025	LUC
19	Xây dựng mở rộng nghĩa trang Nãi Sơn; Lê Xá, Hối Xuân.	4,91	2,91	2,00	Xã Tú Sơn	2021-2025	LUC+NTS
20	Xây dựng mở rộng nghĩa trang thôn: Cốc Liễn; Vũ Vĩ; Tân Linh; Thủ Du; Đoàn Kết	4,22	3,22	1,00	Xã Minh Tân	2021-2030	LUC
21	Xây dựng mở rộng nghĩa trang nhân dân tại thôn Văn Hòa	0,20		0,20	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
22	Xây dựng mở rộng nghĩa trang nhân dân tại thôn Văn Cao	0,20		0,20	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
23	Xây dựng mở rộng nghĩa trang nhân dân tại thôn Kim Đới 1	0,20		0,20	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
24	Xây dựng nghĩa trang nhân dân tại thôn Kim Đới 2	2,28		2,28	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
25	Xây dựng nghĩa trang nhân dân tại thôn Kim Đới 3	2,00		2,00	Xã Hữu Bằng	2021-2030	LUC
26	Xây dựng mở rộng nghĩa trang nhân dân thôn Kim Sơn - Kỳ Sơn	3,00		3,00	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC
27	Quy hoạch mở rộng nghĩa trang liệt sỹ	0,43		0,43	Xã Đại Hợp	2021-2030	LUC
28	Xây dựng nghĩa trang, NTL, NHT (Mở rộng nghĩa địa Đại Lộc - Việt Tiến; Quân Mục; Đông Tác)	3,30		3,30	Xã Đại Hợp	2021-2030	LUK

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
XVI	Đất đất vật liệu xây dựng	3,50		14,70			
1	Xây dựng bãi tập kết vật liệu xây dựng	3,00		3,00	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC+NTS
2	Xây dựng bãi tập kết nguyên vật liệu	0,50		0,50	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
3	Xây dựng bãi tập kết nguyên vật liệu (thôn Đa Ngư)	11,20		11,20	Xã Tân Trào	2021-2025	LUC+NTS
XVI	Đất công viên cây xanh (tại các xã, thị trấn)	32,51		32,51			
1	Xây dựng các khu công viên cây xanh (chuyển đổi từ đất trụ sở cơ quan; khu đài tưởng niệm; trung tâm thể dục thể thao)	1,42		1,42	TT.Núi Đồi	2026-2030	TSC; DVH;DTT
2	Xây dựng công viên cây xanh khu Cửa Vàng	0,27		0,27	Xã Đại Đồng	2026-2030	LUC+NTS
3	Xây dựng công viên cây xanh khu giáp nghĩa trang	0,18		0,18	Xã Đại Đồng	2026-2030	LUC
4	Xây dựng công viên cây xanh khu giáp sân vận động	0,42		0,42	Xã Đại Đồng	2026-2030	LUC
5	Xây dựng công viên cây xanh khu giáp nhà văn hoá thôn Đức Phong	0,51		0,51	Xã Đại Đồng	2026-2030	LUC
6	Xây dựng công viên cây xanh thôn Đại Trà Hồng	0,90		0,90	Xã Đông phương	2026-2030	LUC
7	Xây dựng công viên cây xanh khu vực bao quanh nghĩa trang thôn Côn Hải	0,51		0,51	Xã Đông phương	2026-2030	LUC
8	Xây dựng công viên cây xanh trung tâm xã Ngũ Phúc	1,00		1,00	Xã Ngũ Phúc	2021-2025	LUC
9	Xây dựng công viên cây xanh xã Đoàn Xá	8,00		8,00	Xã Đoàn Xá	2021-2025	LUC
10	Xây dựng công viên cây xanh thôn Cẩm Hoàn (xứ đồng Bờ Giếng)	1,98		1,98	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
11	Xây dựng khu công viên cây xanh trung tâm huyện	6,50		6,50	TT.Núi Đồi, Thanh Sơn	2021-2030	LUC; TON
12	Xây dựng khu thương mại dịch vụ thôn Xuân La (giáp chợ)	0,52		0,52	Xã Thanh Sơn	2021-2025	LUC
	Xây dựng khuôn viên cây xanh tại thôn Xuân Úc (xứ đồng cửa đội)	3,00		3,00	Xã Thuận Thiên	2021-2025	LUC
13	Xây dựng công viên cây xanh xã Tú Sơn	1,10		1,10	Xã Tú Sơn	2021-2025	NTS
	Xây dựng khuôn viên cây xanh giáp nghĩa trang thôn	1,90		1,90	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC
	Xây dựng khuôn viên cây xanh đối diện chùa Tú Đồi	0,96		0,96	Xã Kiến Quốc	2021-2025	LUC
14	Xây dựng hồ điều hòa xã Tú Sơn	2,00		2,00	Xã Tú Sơn	2021-2025	NTS
	Xây dựng khuôn viên cây xanh thôn Kim Đới 1	0,84		0,84	Xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC
15	Xây dựng khuôn viên cây xanh và đất thể thao(đối diện ủy ban)	0,50		0,50	Xã Đại Hợp	2021-2030	LUC
XVII I	Đất nuôi trồng thủy sản (các xã, thị trấn)	6,28		6,28			
1	Dự án chuyển mục đích đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã Đoàn Xá	2,28		2,28	Xã Đoàn Xá	2021-2030	LUC
2	Dự án chuyển mục đích đất trồng lúa sang tại thôn Thấp Linh	4,00		4,00	Xã Minh Tân	2021-2030	LUC
IXX	Chuyển đổi cơ cấu nội bộ đất nông nghiệp	639,32		639,32			
1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với trồng cây hàng năm khác	25,00	-	25,00			
1.1	Dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với trồng hàng năm khác (trồng rau màu) khu đồng Hâu	10,00		10,00	Xã Du Lễ	2021-2030	LUC+BHK
1.2	Dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với trồng hàng năm khác (trồng rau màu) tại xứ đồng Miếu Cốc thôn Cốc Liễn	5,00		5,00	Xã Minh Tân	2021-2030	LUC+BHK
1.3	Dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với trồng hàng năm khác (trồng rau màu) tại xứ đồng Lương thôn Vũ Vỹ và Thôn Thù Du	10,00		10,00	Xã Minh Tân	2021-2030	LUC+BHK
2	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với trồng cây lâu năm	14,18	-	14,18			
2.1	Dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với trồng cây lâu năm tại khu Cống	2,50		2,50	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC+CLN
2.2	Dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với trồng cây lâu năm tại khu đồ bà Quang, Phù Liễn thôn Úc Gián	2,90		2,90	Xã Thuận Thiên	2021-2030	LUC+CLN
2.3	Dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với trồng cây lâu năm tại khu đồng Điểm thôn Hòa Liễu	6,18		6,18	Xã Thuận Thiên	2021-2030	LUC+CLN
2.4	Dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với trồng cây lâu năm tại khu trạm bơm, khu trước chùa Vĩnh Khánh thôn Úc Gián	2,60		2,60	Xã Thuận Thiên	2021-2030	LUC+CLN

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
3	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	395,50		395,50			
3.1	Dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản tại khu Cống	4,50		4,50	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
3.2	Dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản tại khu đồng Đàm Ngòi, đồng Má	6,20		6,20	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC
3.3	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã Du Lễ (vùng đồng Cửa Phù)	14,50		14,50	Xã Du Lễ	2021-2030	LUC+NTS
3.4	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã Du Lễ (vùng đồng Công Rúi, Công Lậu)	10,80		10,80	Xã Du Lễ	2021-2030	LUC+NTS
3.5	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã Du Lễ (vùng đồng Chuông Dộc)	3,80		3,80	Xã Du Lễ	2021-2030	LUC+NTS
3.6	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã Du Lễ (vùng đồng Thống Nhất)	3,50		3,50	Xã Du Lễ	2021-2030	LUC+NTS
3.7	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã Du Lễ (vùng đồng Đàm Từ)	4,60		4,60	Xã Du Lễ	2021-2030	LUC+NTS
3.8	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã Tân Phong (vùng đồng Cò Ngựa thôn Lão Phong 1)	10,00		10,00	Xã Tân Phong	2021-2025	LUC+NTS
3.9	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã Tân Phong (vùng đồng Láng Nhung, đồng Cái Đàng, San Ủi, Gò Bàu, Cánh Liềm thôn Lão Phú)	30,00		30,00	Xã Tân Phong	2021-2025	LUC+NTS
3.10	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã Hữu Bằng (khu đồng tôm)	5,00		5,00	xã Hữu Bằng	2021-2025	LUC+NTS
3.11	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản tại xứ đồng Công Mới	12,50		12,50	Xã Kiến Quốc	2021-2030	LUC+NTS
3.12	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản tại xứ đồng Bờ Lùi	15,40		15,40	Xã Kiến Quốc	2021-2030	LUC+NTS
3.13	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản tại khu đồng Nhân, đồng Ngòi	15,00		15,00	Xã Đại Hà	2021-2030	LUC+NTS
3.14	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản tại thôn Cao Tiến	7,00		7,00	Xã Đại Hà	2021-2030	LUC+NTS
3.15	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản tại thôn Nhân Trai	12,00		12,00	Xã Đại Hà	2021-2030	LUC+NTS
3.16	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản tại thôn Lê Xá (giáp sông Sàng)	52,00		52,00	Xã Tú Sơn	2021-2030	LUC+NTS
3.17	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản cùng cây lâu năm trên địa bàn xã Đại Hợp	70,00		70,00	Xã Đại Hợp	2021-2030	LUC+NTS+CLN
3.18	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản cùng cây lâu năm trên địa bàn xã Đoàn Xã (khu đồng Đầu Trâu)	25,00		25,00	Xã Đoàn Xã	2021-2030	LUC+NTS
3.19	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản tại thôn Đại Trà Hồng	50,00		50,00	Xã Đông Phương	2021-2030	LUC+NTS
3.20	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản tại thôn Lạng Côn Hà	7,00		7,00	Xã Đông Phương	2021-2030	LUC+NTS
3.21	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản tại xứ đồng Công Mới (thôn Tú Đội 2)	5,40		5,40	Xã Kiến Quốc	2021-2030	LUC+NTS
3.22	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản tại xứ đồng Bờ Lùi (thôn Tú Đội 9)	15,80		15,80	Xã Kiến Quốc	2021-2030	LUC+NTS
3.23	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản tại khu đồng Vòng (thôn Úc Gián)	8,00		8,00	Xã Thuận Thiên	2021-2030	LUC+NTS

STT	HẠNG MỤC	Diện tích (ha)			Địa điểm	Năm thực hiện	Loại đất lấy vào
		Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm			
3.24	Dự án phát triển chuyển đổi cơ cấu cây trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản tại khu đồng Láng, khu Đầm Giá, khu đò bà Quang (thôn Xuân Úc)	7,50		7,50	Xã Thuận Thiên	2021-2030	LUC+NTS
4	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng kết hợp với chăn	64,64		64,64			
4.1	Xây dựng khu chăn nuôi trên địa bàn xã Du Lễ	0,64		0,64	Xã Du Lễ	2021-2030	LUC
4.2	Dự án phát triển nuôi trồng thủy sản kết hợp chăn nuôi	48,00		48,00	Xã Tú Sơn	2021-2030	NTS+NKH
4.3	Dự án phát triển nuôi trồng thủy sản kết hợp chăn nuôi tại xứ đồng Ngoài, xứ đồng Vũ, Xứ đồng Nghi, xứ đồng Công Điền,	13,00		13,00	Xã Đại Đồng	2021-2030	LUC+NTS+NKH
4.4	Dự án phát triển nuôi trồng thủy sản kết hợp chăn nuôi tại xứ đồng Trại Thủy	3,00		3,00	Xã Đại Đồng	2021-2030	NTS+NKH
5	Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	140,00		140,00			
5.1	Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (khu đồng Mã Chương; khu đồng Hồ Lô; đồng Láng Hòm, đồng Lò Vôi; đồng Ủi ông Đanh)	50,00		50,00	Xã Thụy Hương	2021-2030	LUC+NKH
5.2	Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (thôn Ngọc Liên)	30,00		30,00	Xã Đại Hà	2021-2030	LUC+NKH
5.3	Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (thôn Nãi Sơn, thôn Đồng Mô)	60,00		60,00	Xã Tú Sơn	2021-2030	BHK+NKH